Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7410.12.00

Mã HS	7410.12.00
Mô tả hàng hóa	Đồng lá mỏng (đã hoặc chưa in hoặc bồi trên giấy, bìa, plastic hoặc vật liệu bồi tương tự), với chiều dày (không kể phần bồi) không quá 0,15 mm / - Chưa được bồi: / - - Bằng hợp kim đồng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:27:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/74101200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12065
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12065
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12065
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12065
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11408
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11351
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11351
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11351
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11351
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11351
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11351
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11403
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11403

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11403
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11403
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11403
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11403
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11404
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11404
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11404
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11404
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11404
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11404
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11407
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11357
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11363
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11363
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11363
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11363
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11363
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11363
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11396
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11396
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11396
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11396
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11396
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11396
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11441
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11441

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11441
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11441
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11441
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11441
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11426
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11426
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11426
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11426
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11426
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11426
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11426
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11426
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11426
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11426
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11426
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11426
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11443
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11443
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11443
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11443
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11443
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11443
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11442
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11442
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11442
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11442

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11442
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11442
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11389
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11389
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11389
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11389
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11389
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11389
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11389
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11426
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11426
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11426
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11426
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11426
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11426
RCEP B	2022	2022	0	B!D11426
RCEP B	2023	2023	0	B!E11426
RCEP B	2024	2024	0	B!F11426
RCEP B	2025	2025	0	B!G11426
RCEP B	2026	2026	0	B!H11426
RCEP B	2027	2027	0	B!I11426
RCEP C	2022	2022	0	C!D11426
RCEP C	2023	2023	0	C!E11426
RCEP C	2024	2024	0	C!F11426
RCEP C	2025	2025	0	C!G11426
RCEP C	2026	2026	0	C!H11426

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11426
RCEP D	2022	2022	0	D!D11425
RCEP D	2023	2023	0	D!E11425
RCEP D	2024	2024	0	D!F11425
RCEP D	2025	2025	0	D!G11425
RCEP D	2026	2026	0	D!H11425
RCEP D	2027	2027	0	D!I11425
RCEP E	2022	2022	0	E!D11429
RCEP E	2023	2023	0	E!E11429
RCEP E	2024	2024	0	E!F11429
RCEP E	2025	2025	0	E!G11429
RCEP E	2026	2026	0	E!H11429
RCEP E	2027	2027	0	E!I11429
RCEP F	2022	2022	0	F!D11426
RCEP F	2023	2023	0	F!E11426
RCEP F	2024	2024	0	F!F11426
RCEP F	2025	2025	0	F!G11426
RCEP F	2026	2026	0	F!H11426
RCEP F	2027	2027	0	F!I11426
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10581
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10581
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10581
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10581

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đồng > Bán thành phẩm bằng chì, kẽm, thiếc hoặc hợp kim của chúng. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7410.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7410.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12065), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.